

Đề chính thức

TRÍCH NGUỒN: TIK  
TOK: TOÁN CẤP 3  
THẦY QUÝ TPHCM.

út, không kể thời gian phát đề

MÃ ĐỀ : 808

(Đề kiểm tra có 04 trang)

Họ và tên học sinh : ..... Số báo danh : .....

**PHẦN I (3 điểm).** Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1)** Trong không gian  $Oxyz$ , cho các vec-tơ  $\vec{a} = 2\vec{i} + 3\vec{j} - \vec{k}$ ,  $\vec{b}(2; 3; -7)$ . Tìm tọa độ của  $\vec{x} = 2\vec{a} - 3\vec{b}$ .

- A.  $\vec{x} = (-2; -1; 19)$     B.  $\vec{x} = (-2; 3; 19)$     C.  $\vec{x} = (2; -1; 19)$     D.  $\vec{x} = (-2; -3; 19)$

**Câu 2)** Hàm số  $y = \frac{1-2x}{-x+2}$  có bao nhiêu điểm cực trị?

- A. 3.    B. 1.    C. 2.    D. 0.

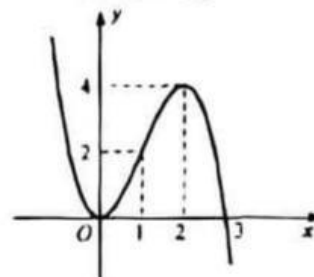
**Câu 3)** Phương trình đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số  $y = \frac{-2x-1}{x-2}$  là:

- A.  $y = -2$ .    B.  $x = 2$ .    C.  $y = 2$ .    D.  $x = -2$ .

**Câu 4)** Cho hàm số bậc ba  $y = f(x)$  có đồ thị như hình vẽ.

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A.  $(-\infty; 0)$ .    B.  $(1; 3)$ .  
C.  $(0; 2)$ .    D.  $(0; +\infty)$ .

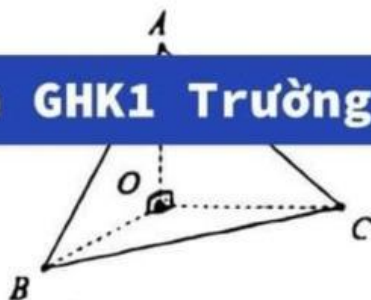


**Câu 5)** Trong không gian  $Oxyz$ , cho điểm  $M(1; 2; -1)$ . Tìm khẳng định đúng.

- A.  $\vec{OM} = \vec{i} + 2\vec{k} - \vec{j}$ .    B.  $\vec{OM} = -\vec{i} - 2\vec{j} + \vec{k}$ .    C.  $\vec{OM} = -\vec{i} + 2\vec{j} + \vec{k}$ .    D.  $\vec{OM} = \vec{i} + 2\vec{j} - \vec{k}$ .

**Câu 6)** Cho tứ diện  $OABC$  có  $OA, OB, OC$  vuông góc với nhau từng đôi một và cùng có độ dài bằng  $a$ .

**Đề+Đáp án GHK1 Trường Chính 2024**

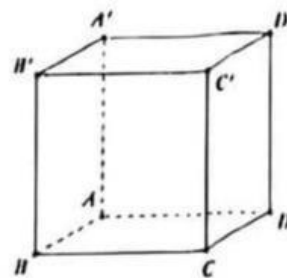


Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

- A. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  bằng nhau.  
B. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  có độ dài bằng nhau.  
C. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  vuông góc với nhau từng đôi một.  
D.  $\vec{OA} \cdot \vec{OC} = 0$ .

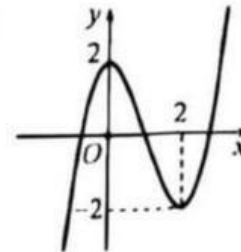
**Câu 7)** Cho hình lập phương  $ABCD.A'B'C'D'$  có cạnh bằng 1. Tìm khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau:

- A.  $\overline{AB} - \overline{AC} = \overline{BC}$ .    B.  $(\overline{AB}, \overline{CD}) = 0^\circ$ .  
C.  $\overline{AB} + \overline{AD} = \overline{AA'}$ .    D.  $\overline{AB} \cdot \overline{AD} = 0$ .



**Câu 8)** Cho hàm số  $f(x)$  có đồ thị như hình bên. Mệnh đề nào dưới đây đúng?

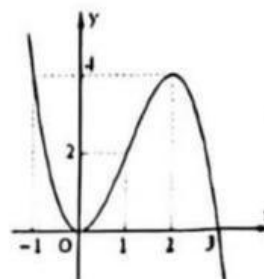
- A. Hàm số có giá trị cực tiểu bằng 2.  
B. Hàm số có ba cực trị.  
C. Hàm số đạt cực đại tại  $x=0$  và đạt cực tiểu tại  $x=2$ .  
D. Hàm số có giá trị lớn nhất bằng 2 và giá trị nhỏ nhất bằng -2.



**Câu 9)** Cho hàm số  $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$  ( $a \neq 0$ ) có đồ thị như hình vẽ bên.

Khẳng định nào sau đây **SAI**?

- A. Đồ thị hàm số có 2 điểm cực trị.  
B. Giá trị cực đại của hàm số là 4.  
C. Giá trị cực tiểu của hàm số là 0.  
D. Tâm đối xứng của đồ thị là điểm  $I(2;1)$ .



**Câu 10)** Cho hàm số  $y = f(x)$  có bảng biến thiên như hình bên :

|         |    |    |   |    |   |
|---------|----|----|---|----|---|
| $x$     | -3 | -2 | 0 | 1  | 3 |
| $f'(x)$ | -  | 0  | + | 0  | - |
| $f(x)$  | 1  |    | 0 |    | 8 |
|         |    | -5 |   | -3 |   |

Giá trị lớn nhất của hàm số đã cho trên  $[-3; 3]$  bằng :

- A. 1    B. 8    C. 0    D. 3

**Câu 11)** Cho hàm số  $f(x)$  có bảng biến thiên như sau:

|         |           |      |     |     |           |     |     |           |
|---------|-----------|------|-----|-----|-----------|-----|-----|-----------|
| $x$     | $-\infty$ | $-1$ | $0$ | $1$ | $+\infty$ |     |     |           |
| $f'(x)$ |           | $-$  | $0$ | $+$ | $0$       | $-$ | $0$ | $+$       |
| $f(x)$  | $+\infty$ |      | $0$ | $3$ |           | $0$ |     | $+\infty$ |

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A.  $(0; 1)$ .    B.  $(-1; +\infty)$ .    C.  $(-1; 0)$ .    D.  $(-\infty; -1)$ .

**Câu 12)** Trên đoạn  $[1; 5]$ , hàm số  $y = x + \frac{9}{x}$  đạt giá trị nhỏ nhất tại điểm

- A.  $x = 2$ .    B.  $x = 3$ .    C.  $x = 1$ .    D.  $x = 5$ .

**PHẦN II (4 điểm).** Câu trắc nghiệm đúng, sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1)** Trong không gian  $Oxyz$ , cho hình hộp chữ nhật  $ABCD.A'B'C'D'$ , biết rằng  $A(0;0;0)$ ,  $B(2;0;0)$ ,  $D(0;1;0)$ ,  $A'(0;0;3)$ .

- a) Tọa độ các điểm  $B', C$  là  $B'(2;3;0), C(2;1;0)$ .
- b) Vector  $\overrightarrow{AB} = 2\vec{i} + \vec{j} + \vec{k}$ .
- c) Tọa độ các điểm  $D', C'$  là  $D'(0;1;3), C'(2;1;3)$ .
- d) Vector  $\overrightarrow{AC'} = 2\vec{i} + \vec{j} + 3\vec{k}$ .

**Câu 2)** Cho hàm số  $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$  ( $a, b, c, d \in \mathbb{R}$ ) có bảng biến thiên như sau:

|      |           |        |         |                |
|------|-----------|--------|---------|----------------|
| x    | $-\infty$ | 0      | 2       | $+\infty$      |
| $y'$ | +         | 0      | - 0     | +              |
| y    |           | ↗<br>2 | ↘<br>-2 | ↗<br>$+\infty$ |

- a) Hệ số  $d > 0$ .
- b) Hàm số có 2 điểm cực trị.
- c) Hệ số  $c > 0$ .
- d) Giá trị  $f(a+b+c+d) > 0$

**Câu 3)** Cho hàm số  $y = f(x) = \frac{3x-1}{-5x-3}$ .

a) Đường tiệm cận đứng và đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số tạo với các trục tọa độ một hình vuông có diện tích lớn hơn 1.

b)  $\max_{[1;3]} f(x) = f(3)$ .

c) Hàm số có đạo hàm là  $y' = \frac{-14}{(-5x-3)^2}$ .

d) Hàm số không có giá trị lớn nhất trên đoạn  $[-1;1]$ .

**Câu 4)** Cho hàm số  $y = \sqrt{-x^2 + 9}$ .

a)  $y' = 0 \Leftrightarrow x = 0$ .

b)  $y' = \frac{1}{2\sqrt{-x^2 + 9}}, \forall x \in (-3;3)$ .

c) Với mọi  $x_1, x_2 \in (0;3)$  và  $x_1 > x_2$  thì ta có  $f(x_1) > f(x_2)$ .

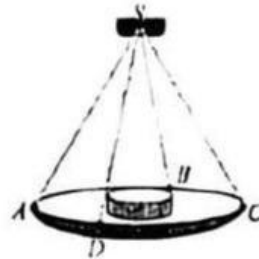
d) Hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$ .

**PHẦN III (3 điểm).** Câu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 tới câu 6.

**Câu 1)** Có bao nhiêu giá trị nguyên của  $m$  để hàm số  $y = \frac{m}{3}x^3 - 2mx^2 + (3m+5)x$  đồng biến trên  $\mathbb{R}$ ?

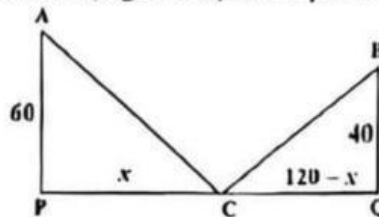
**Câu 2)** Một chiếc cân đòn tay đang cân một vật có khối lượng  $m = 3\text{kg}$  được thiết kế với đĩa cân được giữ bởi bốn đoạn xích  $SA, SB, SC, SD$  sao cho  $S.ABCD$  là hình chóp tứ giác đều có  $\widehat{ASC} = 90^\circ$ . Biết độ lớn của lực căng cho mỗi sợi xích có dạng  $\frac{a\sqrt{2}}{4}$ . Khi đó giá trị của  $a$  bằng

bao nhiêu? Biết  $\vec{P} = m\vec{g}$  trong đó  $\vec{g}$  là vectơ gia tốc rơi tự do có độ lớn  $10 \text{ m/s}^2$ ,  $\vec{P}$  là trọng lực tác động vật có đơn vị là  $N$ ,  $m$  là khối lượng của vật có đơn vị  $kg$ .



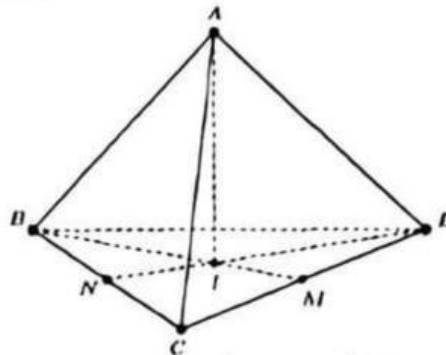
**Câu 3)** Gọi  $a, b$  là các số thực sao cho đồ thị hàm số  $y = x^3 + ax^2 - (a+b)x$  nhận điểm  $M(1; -5)$  làm điểm cực trị. Tính  $P = ab$ .

**Câu 4)** Đường cao tốc mới xây PQ là một đường thẳng ở gần hai thành phố A và B. Hai thành phố này muốn xây một trạm dừng chân C ở trên đường cao tốc như hình vẽ. Để tiết kiệm chi phí đi lại, hai thành phố quyết định tính toán xem xây trạm dừng chân ở vị trí nào để tổng khoảng cách từ hai thành phố đến trạm dừng chân là ngắn nhất. Khoảng cách từ thành phố A, B đến đường cao tốc lần lượt là  $AP=60 \text{ km}$  và  $BQ=40 \text{ km}$  với  $PQ=120 \text{ km}$ . Trạm thu phí C cách P bao nhiêu km? Giả sử chiều rộng của trạm thu phí không đáng kể.



**Câu 5)** Tìm giá trị của tham số  $m$  để đường tiệm cận xiên của đồ thị hàm số  $y = \frac{-x^2 + (2-3m)x + 4m^2 - 2m - 6}{2(x-m)}$  đi qua điểm  $A(2;1)$ .

**Câu 6)** Cho tứ diện đều ABCD có  $AB = 4$ . Gọi I là trọng tâm tam giác BCD. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của CD, BC.



Xác định hệ tọa độ Nxyz sao cho các điểm C, D, lần lượt nằm trên các tia  $Nx, Ny$ . Trục  $Nz$  có vectơ đơn vị cùng hướng với  $\vec{AI}$ .

Biết  $\vec{NM} = a\vec{i} + b\vec{j} + c\vec{k}$ . Tính  $a + b + c$  (làm tròn đến hàng phần trăm).

— HẾT —

Họ và tên học sinh : ..... Số báo danh : .....

**PHẦN I (3 điểm).** Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1)** Trong không gian  $Oxyz$ , cho các vec-tơ  $\vec{a} = 2\vec{i} + 3\vec{j} - \vec{k}$ ,  $\vec{b}(2; 3; -7)$ . Tìm tọa độ của  $\vec{x} = 2\vec{a} - 3\vec{b}$ .

- A.  $\vec{x} = (-2; -1; 19)$     B.  $\vec{x} = (-2; 3; 19)$     C.  $\vec{x} = (2; -1; 19)$     **D.  $\vec{x} = (-2; -3; 19)$**

**Câu 2)** Hàm số  $y = \frac{1-2x}{-x+2}$  có bao nhiêu điểm cực trị?

- A. 3.    B. 1.    C. 2.    **D. 0.**

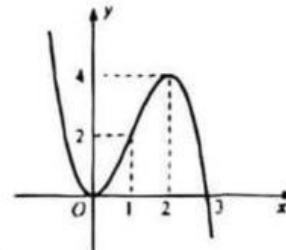
**Câu 3)** Phương trình đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số  $y = \frac{-2x-1}{x-2}$  là:

- A.  $y = -2$ .**    B.  $x = 2$ .    C.  $y = 2$ .    D.  $x = -2$ .

**Câu 4)** Cho hàm số bậc ba  $y = f(x)$  có đồ thị như hình vẽ.

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào sau đây?

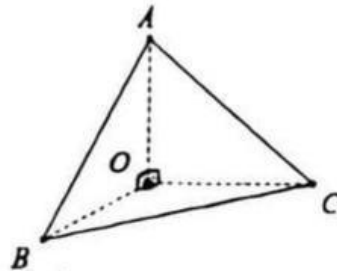
- A.  $(-\infty; 0)$ .    B.  $(1; 3)$ .  
**C.  $(0; 2)$ .**    D.  $(0; +\infty)$ .



**Câu 5)** Trong không gian  $Oxyz$ , cho điểm  $M(1; 2; -1)$ . Tìm khẳng định đúng.

- A.  $\vec{OM} = \vec{i} + 2\vec{k} - \vec{j}$ .**    B.  $\vec{OM} = -\vec{i} - 2\vec{j} + \vec{k}$ .    C.  $\vec{OM} = -\vec{i} + 2\vec{j} + \vec{k}$ .    D.  $\vec{OM} = \vec{i} + 2\vec{j} - \vec{k}$ .

**Câu 6)** Cho tứ diện  $OABC$  có  $OA, OB, OC$  vuông góc với nhau từng đôi một và cùng có độ dài bằng  $a$ .

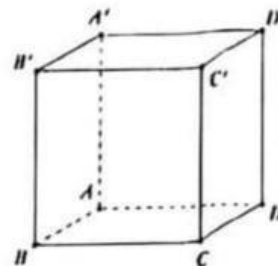


Chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

- A. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  bằng nhau.  
**B. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  có độ dài bằng nhau.**  
C. Các vectơ  $\vec{AB}, \vec{AC}, \vec{BC}$  vuông góc với nhau từng đôi một.  
D.  $\vec{OA} \cdot \vec{OC} = \vec{0}$ .

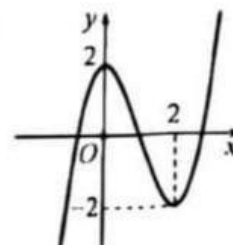
Câu 7) Cho hình lập phương ABCD.A'B'C'D' có cạnh bằng 1. Tìm khẳng định **đúng** trong các khẳng định sau:

- A.  $\overline{AB} - \overline{AC} = \overline{BC}$ . B.  $(\overline{AB}, \overline{CD}) = 0^\circ$ .  
C.  $\overline{AB} + \overline{AD} = \overline{AA'}$ . **D.  $\overline{AB} \cdot \overline{AD} = 0$ .**



Câu 8) Cho hàm số  $f(x)$  có đồ thị như hình bên. Mệnh đề nào dưới đây đúng?

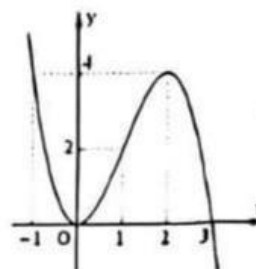
- A. Hàm số có giá trị cực tiểu bằng 2.  
B. Hàm số có ba cực trị.  
**C. Hàm số đạt cực đại tại  $x=0$  và đạt cực tiểu tại  $x=2$ .**  
D. Hàm số có giá trị lớn nhất bằng 2 và giá trị nhỏ nhất bằng -2.



Câu 9) Cho hàm số  $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d (a \neq 0)$  có đồ thị như hình vẽ bên.

Khẳng định nào sau đây **SAI**?

- A. Đồ thị hàm số có 2 điểm cực trị.  
B. Giá trị cực đại của hàm số là 4.  
C. Giá trị cực tiểu của hàm số là 0.  
**D. Tâm đối xứng của đồ thị là điểm  $I(2;1)$ .**



Câu 10) Cho hàm số  $y = f(x)$  có bảng biến thiên như hình bên :

|         |    |    |   |   |    |   |   |
|---------|----|----|---|---|----|---|---|
| $x$     | -3 | -2 | 0 | 1 | 3  |   |   |
| $f'(x)$ | -  | 0  | + | 0 | -  | 0 | + |
| $f(x)$  | 1  |    | 0 |   | -3 |   | 8 |

Giá trị lớn nhất của hàm số đã cho trên  $[-3;3]$  bằng :

- A. 1 **B. 8** C. 0 D. 3

Câu 11) Cho hàm số  $f(x)$  có bảng biến thiên như sau:

|         |           |      |     |     |           |     |     |           |
|---------|-----------|------|-----|-----|-----------|-----|-----|-----------|
| $x$     | $-\infty$ | $-1$ | $0$ | $1$ | $+\infty$ |     |     |           |
| $f'(x)$ |           | $-$  | $0$ | $+$ | $0$       | $-$ | $0$ | $+$       |
| $f(x)$  | $+\infty$ |      | $0$ | $3$ |           | $0$ |     | $+\infty$ |

Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng nào sau đây?

- A.  $(0;1)$ . B.  $(-1;+\infty)$ . **C.  $(-1;0)$ .** D.  $(-\infty;-1)$ .

Câu 12) Trên đoạn  $[1;5]$ , hàm số  $y = x + \frac{9}{x}$  đạt giá trị nhỏ nhất tại điểm

- A.  $x=2$ . **B.  $x=3$ .** C.  $x=1$ . D.  $x=5$ .

SỐ CÂU = 22

TOÁN 12 - KT Giữa học kỳ 1 - MÃ ĐỀ 808

trang 2/4

**PHẦN II (4 điểm).** Câu trắc nghiệm đúng, sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

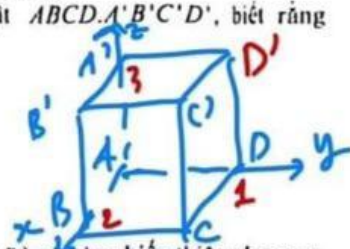
Câu 1) Trong không gian  $Oxyz$ , cho hình hộp chữ nhật  $ABCD.A'B'C'D'$ , biết rằng  $A(0;0;0)$ ,  $B(2;0;0)$ ,  $D(0;1;0)$ ,  $A'(0;0;3)$ .

a) Tọa độ các điểm  $B', C'$  là  $B'(2;3;0)$ ,  $C'(2;1;0)$ .

b) Vector  $\overrightarrow{AB} = 2\vec{i} + \vec{j} + \vec{k}$ .

c) Tọa độ các điểm  $D', C'$  là  $D'(0;1;3)$ ,  $C'(2;1;3)$ .

d) Vector  $\overrightarrow{AC'} = 2\vec{i} + \vec{j} + 3\vec{k}$ .



Câu 2) Cho hàm số  $y = f(x) = ax^3 + bx^2 + cx + d$  ( $a, b, c, d \in \mathbb{R}$ ) có bảng biến thiên như sau:

| x    | $-\infty$ | 0   | 2    | $+\infty$   |
|------|-----------|-----|------|-------------|
| $y'$ | +         | 0   | - 0  | +           |
| y    |           | ↗ 2 | ↘ -2 | ↗ $+\infty$ |

$$f' = 0 \Rightarrow 3ax^2 + 2bx + c = 0$$

$$x = 0 \text{ CT} \Rightarrow c = 0$$

$$x = 2 \text{ CT} \Rightarrow 12a + 4b = 0$$

$$(0; 2) \Rightarrow d = 2$$

$$(2; -1) \Rightarrow 8a + 4b + 2 = -1$$

$$\Rightarrow \begin{cases} a = 1 \\ b = -3 \\ d = 2 \end{cases} \Rightarrow f = x^3 - 3x^2 + 2$$

a) Hệ số  $d > 0$ .

b) Hàm số có 2 điểm cực trị.

c) Hệ số  $c > 0$ .  $f(0) = 2 > 0$

d) Giá trị  $f(a+b+c+d) > 0$

Câu 3) Cho hàm số  $y = f(x) = \frac{3x-1}{-5x-3}$ .  $f' = \frac{-14}{(-5x-3)^2}$

a) Đường tiệm cận đứng và đường tiệm cận ngang của đồ thị hàm số tạo với các trục tọa độ một hình vuông có diện tích lớn hơn 1.  $S = \frac{3}{5} \cdot \frac{3}{5} = \frac{9}{25} < 1$

b)  $\max_{[1;3]} f(x) = f(3)$ .  $f(3) = \frac{8}{-15}$

c) Hàm số có đạo hàm là  $y' = \frac{-14}{(-5x-3)^2}$ .

d) Hàm số không có giá trị lớn nhất trên đoạn  $[-1; 1]$ .

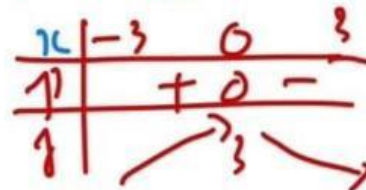
Câu 4) Cho hàm số  $y = \sqrt{-x^2 + 9}$ .  $-3 \leq x \leq 3$

a)  $y' = 0 \Leftrightarrow x = 0$ .  $y' = 0 \Leftrightarrow x = 0$

b)  $y' = \frac{1}{2\sqrt{-x^2 + 9}}$ ,  $\forall x \in (-3; 3)$ .

c) Với mọi  $x_1, x_2 \in (0; 3)$  và  $x_1 > x_2$  thì ta có  $f(x_1) > f(x_2)$ .

d) Hàm số đạt cực đại tại  $x = 0$ .



**PHẦN III (3 điểm).** Câu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 tới câu 6.

Câu 1) Có bao nhiêu giá trị nguyên của  $m$  để hàm số  $y = \frac{m}{3}x^3 - 2mx^2 + (3m+5)x$  đồng biến trên  $\mathbb{R}$ ?  $y' = 0 \Leftrightarrow x^2 - 4mx + 3m+5 \geq 0 \forall x \Leftrightarrow \begin{cases} m = 0 \text{ hoặc } 0 \leq m \leq 5 \\ m \neq 0 \end{cases} \Rightarrow 0 \leq m \leq 5$

Câu 2) Một chiếc cân đòn tay đang cân một vật có khối lượng  $m = 3\text{kg}$  được thiết kế với đĩa cân được giữ bởi bốn đoạn xích  $SA, SB, SC, SD$  sao cho  $SABCD$  là hình chóp tứ giác đều có

$\widehat{ASC} = 90^\circ$ . Biết độ lớn của lực căng cho mỗi sợi xích có dạng  $\frac{a\sqrt{2}}{4}$ . Khi đó giá trị của  $a$  bằng

SỐ CÂU - 22

TOÁN 12 - KT Giữa học kỳ 1 - MÃ ĐỀ 808

trang 3/4

$$450 = 30$$

$$50 = 30/4$$

$$\frac{30\sqrt{2}}{4} \Rightarrow a = 30$$

bao nhiêu? Biết  $\vec{P} = m\vec{g}$  trong đó  $\vec{g}$  là vectơ gia tốc rơi tự do có độ lớn  $10 \text{ m/s}^2$ ,  $\vec{P}$  là trọng lực tác động vật có đơn vị là  $N$ ,  $m$  là khối lượng của vật có đơn vị  $kg$ .

$$\Delta SAC \perp \text{cân}, SO = \frac{30}{4}$$

$$\rightarrow SA = \sqrt{\left(\frac{30}{4}\right)^2 + \left(\frac{30}{4}\right)^2}$$

$$= \frac{30\sqrt{2}}{4} \rightarrow a = 30$$



$$x = 10$$

$$\rightarrow 3 + 2a - a - b = 0$$

$$(1; -5) \Rightarrow 1 + a - b - a = -5$$

$$\rightarrow \begin{cases} a = 3 \\ b = 6 \end{cases}$$

Câu 3) Gọi  $a, b$  là các số thực sao cho đồ thị hàm số  $y = x^3 + ax^2 - (a+b)x$  nhận điểm  $M(1; -5)$  làm điểm cực trị. Tính  $P = a.b = 18$

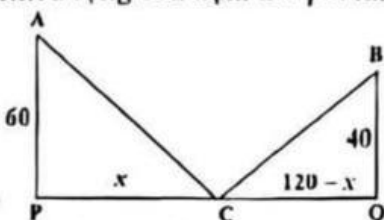
$$y' = 3x^2 + 2ax - a - b = 0$$

Câu 4) Đường cao tốc mới xây PQ là một đường thẳng ở gần hai thành phố A và B. Hai thành phố này muốn xây một trạm dừng chân C ở trên đường cao tốc như hình vẽ. Để tiết kiệm chi phí đi lại, hai thành phố quyết định tính toán xem xây trạm dừng chân ở vị trí nào để tổng khoảng cách từ hai thành phố đến trạm dừng chân là ngắn nhất. Khoảng cách từ thành phố A, B đến đường cao tốc lần lượt là  $AP = 60 \text{ km}$  và  $BQ = 40 \text{ km}$  với  $PQ = 120 \text{ km}$ . Trạm thu phí C cách P bao nhiêu km? Giả sử chiều rộng của trạm thu phí không đáng kể.

$$f(x) = \sqrt{x^2 + 60^2}$$

$$+ \sqrt{(120 - x)^2 + 40^2}$$

$$f'(x) = 0 \Rightarrow x = 72$$

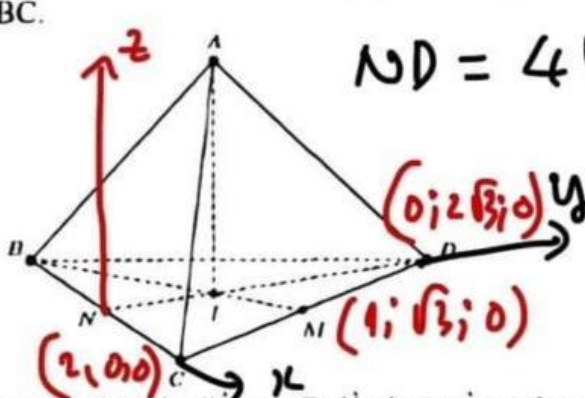


Câu 5) Tìm giá trị của tham số  $m$  để đường tiệm cận xiên của đồ thị hàm số  $y = \frac{-x^2 + (2 - 3m)x + 4m^2 - 2m - 6}{2(x - m)}$  đi qua điểm  $A(2; 1)$ .

$$y = -\frac{1}{2} + \frac{1 - 2m}{x - m} \text{ qua } (2, 1)$$

$$\rightarrow m = -\frac{1}{2}$$

Câu 6) Cho tứ diện đều ABCD có  $AB = 4$ . Gọi I là trọng tâm tam giác BCD. Gọi M, N lần lượt là trung điểm của CD, BC.



$$ND = 4\sqrt{\frac{3}{2}} = 2\sqrt{3}$$

Xác định hệ toạ độ Nxyz sao cho các điểm C, D, lần lượt nằm trên các tia  $Nx, Ny$ . Trục  $Nz$  có vectơ đơn vị cùng hướng với  $\vec{AI}$ .

Biết  $\vec{NM} = a\vec{i} + b\vec{j} + c\vec{k}$ . Tính  $a + b + c$  (làm tròn đến hàng phần trăm).

$$= 1.\vec{i} + \sqrt{3}.\vec{j} \text{ — HẾT —}$$

$$\rightarrow a + b + c = 1 + \sqrt{3} \approx 2.73$$

